



qǐ jiā
起家

verb (often used with 从/靠) · to start a career or business

Example Sentences

Tā shì kào mài xiǎo chī qǐ jiā de
他是靠卖小吃起家的。

He started his career by selling snacks.

Zhè jiā gōng sī cóng yī gè xiǎo zuò fāng qǐ jiā xiàn zài chéng le dà qǐ yè
这家公司从小作坊起家，现在成了大企业。

This company started from a small workshop and is now a large enterprise.

Trace each character, then write the word on your own.

起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起
起	起									
家	家	家	家	家	家	家	家	家	家	家
家	家									